

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS GIA THUY



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2021 – 2022

KHỐI 6

Hà Nội, tháng 12 năm 2021

Mục lục

1. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I MÔN NGỮ VĂN.....	1
2. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I MÔN TIẾNG ANH.....	3
3. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I MÔN KHTN	4
4. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I MÔN GDDP	7
5. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I MÔN TOÁN	8
6. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I MÔN LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ.....	14
7. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I MÔN HĐTNHN	18
8. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I MÔN GDTC	19
9. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I MÔN TIN HỌC	20
10. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN.....	26
11. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I MÔN NGHỆ THUẬT.....	28
12. ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ I MÔN CÔNG NGHỆ.....	30

TRƯỜNG THCS GIA THUY
TỔ XÃ HỘI
NĂM HỌC 2020 - 2021

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 6

A. YÊU CẦU

1. Học sinh nắm vững kiến thức cơ bản của phần Văn bản, Tiếng Việt, Tập làm văn.
2. Biết vận dụng kiến thức đã học vào việc cảm thụ và tạo lập văn bản.
3. Có kĩ năng trả lời câu hỏi mạch lạc, hợp lí.
4. Có kĩ năng viết đoạn văn tự sự.

B. NỘI DUNG

I. Phần văn bản:

1. Truyện đồng thoại

2. Thơ

3. Bút kí

*** Yêu cầu chung:**

- Nêu được kiến thức cơ bản của các văn bản trên: xuất xứ, thể loại, phương thức biểu đạt, ngôi kể...
- Cảm thụ một chi tiết hay, đặc sắc.

II. Phần Tiếng Việt:

1. Từ ghép, từ láy, từ đồng âm, từ đa nghĩa.

2. Biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, ẩn dụ, hoán dụ.

3. Các cụm từ: DT, ĐT, TT.

*** Yêu cầu chung:**

- Nắm được khái niệm.
- Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ.

III. Phần Tập làm văn:

Văn tự sự

*** Yêu cầu chung:**

- Nắm được dạng bài và có kĩ năng làm bài.
- Vận dụng các kĩ năng để viết đoạn văn, bài văn

C. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP THAM KHẢO

DẠNG 1.

Bài 1. Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:

“... Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu! ...”

(Trích Cây tre Việt Nam – Thép Mới)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?

Câu 2. Đoạn văn trên nói lên phẩm chất gì của cây tre? Em hãy ghi lại câu văn thể hiện nội dung đó.

Câu 3. Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên và nêu tác dụng?

Câu 4. Từ nội dung đoạn trích trên, hãy viết đoạn văn (6 – 8 câu) nêu suy nghĩ của em về việc giữ gìn những nét đẹp văn hóa của dân tộc.

Bài 2. Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

“Mười tuổi thơ nghe gió thổi mùa thu

Mắt ngàng lên trông bản đồ rục rờ
Như đồng hoa bỗng gặp một đêm mơ.
Bản đồ mới tường vôi cũng mới

Thầy giáo lớn sao, thước báng cũng lớn sao
 Gậy thần tiên và cánh tay đạo sĩ
 Đưa ta đi sông núi tuyết vời.”

Câu 1: Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm nào? Tác giả?

Câu 2: Cho biết hoàn cảnh sáng tác và thể thơ?

Câu 3: Tìm và nêu tác dụng của biện pháp tu từ có trong đoạn thơ trên?

Câu 4: Câu thơ “*Thầy giáo lớn sao, thước báng cũng lớn sao*” cho em thấy được tình cảm gì của tác giả đối với người thầy và lớp học?

Câu 5: Qua đoạn thơ và những hiểu biết của em, hãy viết từ 5 – 7 dòng nêu cảm xúc của em về một bài thơ em thích nhất.

Bài 3: Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

CÁ CHÉP VÀ CON CUA

Cá chép con dạo chơi trong hồ nước. Lúc đi ngang nhà cua, thấy cua đang nằm, vẻ mặt rất đau đớn, cá chép bèn bơi lại gần và hỏi:

- Bạn cua ơi, bạn làm sao thế?

Cua trả lời:

- Tớ đang lột xác bạn ạ.

- Ôi, chắc là bạn đau lắm. Nhưng tại sao bạn lại phải làm như thế?

- Họ hàng nhà tớ ai cũng phải lột xác thì mới lớn lên và trưởng thành được, dù rất đau đớn cá chép con ạ.

- À, bây giờ thì tớ đã hiểu.

(*Những mẩu chuyện thiếu nhi chọn lọc* - NXB Kim Đồng, 2009)

Câu 1: Phương thức biểu đạt của văn bản trên? Cho biết ngôi kể và nhân vật chính?

Câu 2: Theo em, cá chép con đã hiểu được điều gì sau khi nghe câu trả lời của cua?

Câu 3: Câu chuyện trên sử dụng biện pháp tu từ nào là chủ yếu? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

Câu 4: Từ câu chuyện trên, em nhận được thông điệp nào? Trình bày bằng 3 – 4 câu văn.

DẠNG 2. Bằng bài văn khoảng 2 trang giấy, em hãy kể lại:

1. Một trải nghiệm đáng nhớ nhất của em.
2. Một cảnh đẹp quê hương mà em có dịp được đến thăm.
3. Một việc làm có ý nghĩa mà em chứng kiến hoặc tham gia.

GIA THUY SECONDARY SCHOOL
SCHOOL –YEAR: 2021-2022

THE FIRST TERM TEST CONTENT
GRADE 6

I. CONTENTS

1. Tenses: present simple, present continuous

2. Structures:

- can / can't

- have got / has got

- there is / there are

- Countable and uncountable nouns

- a/an, some/any, a lot of, how many/how much

- too many, too much, not enough

- Comparatives and superlatives

- Preposition (behind, next to, between, on, in, under, in front of)

3. Vocabulary related to the topics:

- People are people, it's delicious, Love to learn, The music of life

4. Phonetics:

- Pronunciation: /i:/, /ɪ/, /æ/, /j/, /s/, /ɪz/, /z/.

II. EXERCISES

A. Pronunciation

Choose the word having underlined part is pronounced differently

B. Vocabulary and Grammar

I. Choose the best answer

II. Find out the mistake

C. Reading

Read the passage and choose the best answer

D. Writing

I. Choose the sentence that has the same meaning as the original sentence.

II. Choose the correct sentence from the words/phrases given.

TRƯỜNG THCS GIA THỤY
NHÓM KHTN 6

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI KÌ I
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6
Năm học 2021 – 2022

A. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

- Kiểm tra, đánh giá sự hiểu biết, vận dụng kiến thức của học sinh về:
 - + Tính chất và ứng dụng và cách sử dụng một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, thông dụng một cách an toàn, hiệu quả.
 - + Vai trò, tính chất của lương thực, thực phẩm. Vận dụng kiến thức biết cách cân bằng dinh dưỡng và bảo quản lương thực, thực phẩm.
 - + Khái niệm hỗn hợp, chất tinh khiết, dung dịch.
 - + Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất, dung môi và dung dịch, huyền phù, nhũ tương.
 - + Vận dụng kiến thức nhận biết được hỗn hợp, chất tinh khiết, dung dịch trong thực tế cuộc sống.
 - + Vận dụng tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó.
 - + Khái niệm, chức năng, hình dạng, kích thước và cấu tạo của tế bào.
 - + Phân biệt tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực; tế bào động vật và tế bào thực vật.
 - + Ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.
 - + Nhận biết sinh vật đơn bào, sinh vật đa bào.

2. Kỹ năng

- Kiểm tra kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng liên quan.
- Kiểm tra kỹ năng so sánh, phân tích.

3. Thái độ

- HS có thái độ nghiêm túc trong ôn tập và làm bài kiểm tra.

4. Phát triển năng lực

- Phát triển năng lực tính toán, năng lực giải quyết vấn đề.

B. PHẠM VI ÔN TẬP

*Chủ đề 5: **Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm**

*Chủ đề 6: **Hỗn hợp**

*Chủ đề 7: **Tế bào**

C. NỘI DUNG CỤ THỂ

I. LÝ THUYẾT

Câu 1:

1. Nêu tính chất và ứng dụng và cách sử dụng một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, thông dụng một cách an toàn, hiệu quả.
2. Nêu vai trò, tính chất của lương thực, thực phẩm. Vận dụng kiến thức biết cách cân bằng dinh dưỡng và bảo quản lương thực, thực phẩm.

Câu 2:

1. Nêu khái niệm hỗn hợp, chất tinh khiết, dung dịch.

2. Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất, dung môi và dung dịch, huyền phù, nhũ tương.
3. Nêu các phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng của các cách tách đó.

Câu 3:

1. Nêu khái niệm, chức năng, hình dạng, kích thước và cấu tạo của tế bào.
2. Phân biệt tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực; tế bào động vật và tế bào thực vật.
3. Nêu ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.
4. Nhận biết sinh vật đơn bào, sinh vật đa bào.

II. CÁC DẠNG HỎI CÂU TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN THAM KHẢO

Em hãy ghi ra vở bài tập chữ cái đứng trước phương án đúng mà em chọn.

Câu 1. Vật thể nào là nguyên liệu?

- A. Gạch xây dựng.
- B. Đất sét.
- C. Xi măng.
- D. Ngói.

Câu 2. Để củi dễ cháy khi đun nấu, người ta **không** dùng biện pháp nào?

- A. Phơi củi cho thật khô.
- B. Cung cấp đầy đủ oxygen cho quá trình cháy.
- C. Xếp củi chồng lên nhau, càng sát nhau càng tốt.
- D. Chẻ nhỏ củi.

Câu 3. Cây trồng nào **không** được xem là cây lương thực?

- A. Lúa gạo.
- B. Ngô.
- C. Mía.
- D. Lúa mì.

Câu 4. Hỗn hợp nào là huyền phù?

- A. Nước muối.
- B. Nước phù sa.
- C. Nước đường.
- D. Nước máy.

Câu 5. Để phân biệt chất tinh khiết và hỗn hợp ta dựa vào

- A. tính chất của chất.
- B. thể của chất.
- C. mùi của chất.
- D. số lượng chất thành phần.

Câu 6. Sau khi khuấy kỹ các chất thành phần với nhau. Hỗn hợp nào **không** phải là dung dịch ?

- A. Hỗn hợp nước đường.
- B. Hỗn hợp nước muối.
- C. Hỗn hợp bột mì và nước.
- D. Hỗn hợp nước và rượu.

Câu 7. Vật thể nào có cấu tạo từ tế bào?

- A. Xe ô tô.
- B. Cây cầu.
- C. Cây bạch đàn.
- D. Ngôi nhà.

Câu 8. Thành phần nào chỉ có ở tế bào thực vật mà không có ở tế bào động vật?

- A. Nhân.
- B. Thành tế bào.
- C. Màng tế bào.
- D. Tế bào chất.

Câu 9. Đặc điểm nào chỉ có ở tế bào nhân thực mà không có ở tế bào nhân sơ?

- A. Có nhân hoàn chỉnh.
- B. Có màng tế bào.
- C. Chứa chất di truyền.
- D. Có tế bào chất.

Câu 10. Sinh vật nào **không** phải là sinh vật đơn bào?

- A. Trùng giày.
- B. Con gà.
- C. Vi khuẩn.
- D. Trùng biến hình.

----- HẾT -----

TRƯỜNG THCS GIA THUY
TỔ XÃ HỘI

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG 6

Năm học: 2021-2022

I. MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

1. Kiến thức:

- Học sinh nắm được những nét chung và nổi bật của làng nghề truyền thống và ẩm thực của người Hà Nội.

2. Kỹ năng:

- Biết sắp xếp hợp lý bố cục bài hợp lí.

- Biết lựa chọn, sắp xếp các ý hợp lí, nêu được quan điểm, cảm xúc của mình.

3. Thái độ:

Học sinh biết phát huy, giữ gìn nét đẹp của ẩm thực Hà Nội và làng nghề truyền thống

4. Phát triển năng lực:

Năng lực tư duy, năng lực sáng tạo,....

II. HÌNH THỨC ÔN TẬP:

- Ôn tập trên lớp, tại nhà.

III. BÀI TẬP THAM KHẢO:

1. Giới thiệu về một làng nghề truyền thống mà em biết.

2. Giới thiệu món ăn ẩm thực người Hà Nội.

3. Nêu những việc làm để phát huy và giữ gìn nét đẹp ẩm thực của người Hà Nội, làng nghề truyền thống.

TRƯỜNG THCS GIA THỤY
TỔ TOÁN -LÍ

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2021 – 2022
MÔN:TOÁN 6

A.LÝ THUYẾT:

I/PHẦN SỐ HỌC:

Nội dung kiến thức của chương I ;II

II/PHẦN HÌNH HỌC:

Nội dung kiến thức của chương III

B.BÀI TẬP

Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

Câu 1: Cho tập hợp $A = \{x \in N \mid 8 < x \leq 12\}$. Trong các số dưới đây, số nào không thuộc tập hợp A?

A. 9

B.13

C. 11

D. 10

Câu 2: Cho tập hợp $A = \{x \in N \mid 2 < x \leq 8\}$. Khẳng định nào sau đây không đúng?

A. $8 \in A$

B. Tập hợp A có 6 phần tử.

C. $2 \in A$

D. Tập hợp A gồm các số tự nhiên lớn hơn 2 và nhỏ hơn hoặc bằng 8

Câu 3: Số phần tử của tập hợp $A = \{3; 6; 9; 12; \dots; 150\}$ là:

A. 47

B. 48

C. 50

D. 51

Câu 4: Cho $A = \{x \in N \mid 5 < x < 50; x:15\}$. Các phần tử của tập hợp A là:

A. $A = \{15 ; 30 ; 45\}$

B. $A = \{10 ; 20 ; 30 ; 40\}$

C. $A = \{15 ; 25 ; 35 ; 45\}$

D. $A = \{15 ; 30 ; 45 ; 46\}$

Câu 5: Chọn đáp án đúng trong các đáp án dưới đây:

- A) Phép chia 347 cho 4 con số dư là 15.
 B) Phép chia 4792 cho 2 có thương bằng 0.
 C) Phép chia 35 cho 5 là phép chia hết.
 D) Phép chia 11 cho 3 có số dư là 1.

Câu 6: Chọn câu đúng :

- A. $10\,000 = 10^3$ B. $1\,020^0 = 0$ C. $x \cdot x^7 = x^7$ D. $12^7 : 12^4 = 12^3$

Câu 7: Tìm số tự nhiên x biết $(x + 15) = 5^3$. Giá trị của x là:

- A. 9 B. 10 C. 11 D. 12

Câu 8: Tìm số tự nhiên x biết $65 - 4^{x+2} = 1$. Giá trị của x là:

- A. 5. B. 4 C. 3 D. 1

Câu 9: Viết tích $9^3 \cdot 27^2 \cdot 81$ dưới dạng lũy thừa của 3 ta được:

- A. 3^{40} B. 3^{12} C. 3^{16} D. 3^{14}

Câu 10: Phép tính $6^2 : 4 \cdot 3 + 2 \cdot 5^2$ có kết quả là:

- A. 77 B. 78 C. 79 D. 80

Câu 11: Ước chung lớn nhất của 3 số: 36; 60; 72 là:

- A. $2^3 \cdot 3 \cdot 5$ B. $2^2 \cdot 3^2$ C. $2^2 \cdot 3$ D. $3 \cdot 5$

Câu 12: Bội chung nhỏ nhất của 3 số 18; 32; 50 là một số:

- A. Có tổng các chữ số là 10.
 B. lẻ.
 C. chia hết cho 10.
 D. Có chữ số hàng đơn vị là 5

Câu 13: Tổng của 3 số nguyên tố là 578. Số nhỏ nhất trong 3 số đó là:

- A. 2 B. 4 C. 5 D. 8

Câu 14: Có bao nhiêu số nguyên tố x thỏa mãn : $50 < x < 60$?

- A. 2 B. 8 C. 5 D. 4

Câu 15: Biết giá trị biểu thức $A = n^2 + 12n$ là một số nguyên tố. Khi đó n bằng :

- A. 11 B. 13 C. 2 D. 1

Câu 16: Cho $a^2b \cdot 7 = 140$, với a, b là các số nguyên tố. Vậy a có giá trị là :

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 17: Cho $UCLN(a, b) = 80$. Số nào sau đây là ước chung của a và b ?

- A. 20 B. 160 C. 30 D. 50

Câu 18: Sau khi phân tích 45 và 150 ra thừa số nguyên tố, ta có số mũ nhỏ nhất của thừa số chung 3 là :

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 19: Tìm số tự nhiên x lớn nhất biết $18 : x ; 32 : x$. Giá trị của x là :

- A. 4 B. 2 C. 3 D. 6

Câu 20: Quy đồng mẫu hai phân số $\frac{7}{9}; \frac{4}{15}$ với mẫu số nhỏ nhất. Ta được các phân số lần

lượt là :

- A. $\frac{12}{45}; \frac{35}{45}$ B. $\frac{35}{45}; \frac{12}{45}$ C. $\frac{70}{90}; \frac{24}{90}$ D. $\frac{45}{35}; \frac{12}{35}$

Câu 21: Một trường tổ chức cho học sinh đi tham quan bằng ô tô. Nếu xếp 35 hay 40 học sinh lên một ô tô thì đều thấy thiếu mất 5 ghế ngồi. Biết số học sinh của trường đó trong khoảng từ 800 đến 900 em. Số học sinh của trường là :

- A. 845 B. 840 C. 860 D. 900

Câu 22: Chị Hòa có một số bông sen. Nếu chị bó thành các bó gồm 3 bông; 5 bông hay 7 bông thì vừa đủ. Biết số bông sen trong khoảng từ 200 đến 300. Chị Hòa có số bông sen là:

- A. 210 B. 220 C. 230 D. 240

Câu 23: Tìm x nhỏ nhất khác 0 biết $x : 45 ; x : 110 ; x : 75$. Giá trị của x là:

A. 1 650

B. 3 750

C. 4 950

D. 3 300

Câu 24: Thực hiện phép tính $\frac{3}{8} + \frac{5}{24}$ với kết quả là phân số tối giản là:

A. $\frac{14}{24}$ B. $\frac{7}{12}$ C. $\frac{112}{192}$ D. $\frac{12}{7}$

Câu 25: Một số tự nhiên a khi chia cho 7 dư 4, chia 9 dư 6. Vậy khi a chia cho 63 có số dư là:

A. 0

B. 36

C. 3

D. 60

Câu 26: Biết x thỏa mãn: $x^3 - 2^3 = 2^5 - (3^{16} : 3^{14} + 2^8 : 2^6)$. Số đối của x là:

A. 3

B. - 3

C. 2

D. - 2

Câu 27: Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Số 0 vừa là số nguyên âm, vừa là số nguyên dương.

B. Số 0 là số nguyên dương.

C. Số 0 là số nguyên âm.

D. Tập hợp số nguyên bao gồm số nguyên âm, số nguyên dương và số 0.

Câu 28 : Sắp xếp các số - 4 ; 3 ; - 6 ; - 7 ; 14 ; 0 theo thứ tự tăng dần ta được :

A. - 7 ; - 6 ; - 4 ; 0 ; 3 ; 14.

B. - 4; - 6; - 7; 0; 3; 14

C. 14; 3; 0; - 4; - 6; - 7.

D. - 6; - 7; - 4; 0; 3; 14

Câu 29: Kết quả phép tính $(- 23) + (- 40) + (- 17)$ có kết quả là :

A. - 70

B. 46

C. 80

D. - 80

Câu 30: Khẳng định nào sau đây là đúng:

A. Số nguyên a lớn hơn - 4. Vậy a chắc chắn là số dương.

B. Số nguyên a nhỏ hơn 3. Vậy a chắc chắn là số âm.

C. Số nguyên a lớn hơn 1. Vậy a chắc chắn là số dương.

D. Số nguyên $a = 0$. Vậy a có thể là số dương, có thể là số âm.

Câu 31 : Cho hình bình hành có chu vi là 480cm, độ dài cạnh đáy gấp 5 lần cạnh kia và gấp 8 lần chiều cao tương ứng. Khi đó diện tích của hình bình hành là :

A. 5 000cm

C. 2 500cm².

B. 10 000cm

D. 5 000cm²

Câu 32: Hình bình hành có diện tích là 432cm², độ dài chiều cao là 24cm. Khi đó độ dài cạnh đáy là:

A. 16cm

C. 18cm

B. 17cm

D. 19cm

Câu 33: Trong các phát biểu dưới đây, phát biểu nào là đúng:

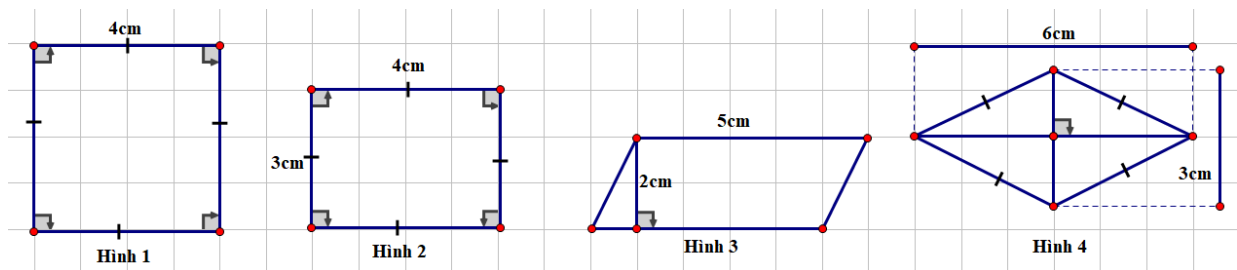
A. Tam giác đều MNP là hình có tâm đối xứng.

B. Hình bình hành MNPQ luôn nhận MP làm trục đối xứng.

C. Hình bình hành luôn có 4 trục đối xứng.

D. Hình thang cân luôn có trục đối xứng.

Câu 34: Trong các hình dưới đây, hình nào có diện tích bé nhất?



A. Hình 1

B. Hình 2

C. Hình 3

D. Hình 4

Câu 35: Hình bình hành có độ dài một cạnh bằng 10cm và chiều cao tương ứng bằng 5cm thì diện tích của hình bình hành đó gấp mấy lần diện tích của hình vuông có cạnh dài 5cm?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu 36: Đoạn thẳng AB có độ dài 4cm. Gọi O là tâm đối xứng của đoạn thẳng AB. Độ dài đoạn thẳng OA là:

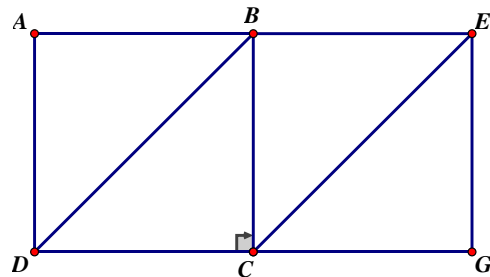
- A. 2cm B. 4cm C. 6cm D. 8cm

Câu 37: Hình thang có diện tích bằng 50cm^2 và có độ dài đường cao là 5cm. Tổng độ dài hai cạnh đáy của hình thang là:

- A. 5cm B. 10cm C. 15cm D. 20cm

Câu 38: Hai hình vuông ABCD và BEGC như nhau và ghép lại thành hình chữ nhật AEGD. Nối B với D; E với C ta được hình bình hành BECD. Biết chu vi hình chữ nhật AEGD là 216cm. Khi đó diện tích của hình bình hành BECD là:

- A. 36cm
B. 36cm^2 .
C. 1 296cm
D. $1\,296\text{cm}^2$



Câu 39: Hình thang cân PQRS có độ dài đáy $PQ = 20\text{cm}$. Đáy RS ngắn hơn đáy PQ là 12cm. Độ dài cạnh bên PS bằng một nửa độ dài đáy PQ. Chu vi của hình thang PQRS là:

- A. 46cm B. 44cm C. 40cm D. 48cm

Câu 40: Hình nào sau đây không có tâm đối xứng?

- A. Hình vuông B. Hình chữ nhật C. Hình bình hành D. Hình tam giác đều

--- HẾT ---

TRƯỜNG THCS GIA THỤY

TỔ XÃ HỘI

Năm học 2021 - 2022

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I

MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 6

Phân môn Địa lí

I. Mục tiêu

1. *Kiến thức:* Ôn tập, củng cố kiến thức về:

- Cấu tạo của Trái Đất. Các mảng kiến tạo
- Quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh
- Núi lửa và động đất
- Các dạng địa hình chính trên bề mặt Trái Đất. Khoáng sản

2. *Kỹ năng:* Đọc, nhận xét tranh ảnh, bản đồ

3. *Thái độ:* Nghiêm túc, tự giác trong học tập. Yêu thiên nhiên, có ý thức bảo vệ môi trường.

4. *Phát triển năng lực HS:*

- Năng lực chung: Trình bày, tư duy, tổng hợp, phân tích
- Năng lực chuyên biệt: kỹ năng đọc bản đồ, nhận xét biểu đồ, bảng số liệu

II. Nội dung ôn tập

Câu 1: Nêu đặc điểm, cấu tạo bên trong của Trái Đất? Lớp vỏ Trái Đất có cấu tạo như thế nào?

Câu 2: Em hãy nêu vai trò của quá trình nội sinh và quá trình ngoại sinh trong việc hình thành địa hình bề mặt Trái Đất?

Câu 3: Nêu đặc điểm của các dạng địa hình chính trên Trái Đất: Núi, đồi, cao nguyên và đồng bằng?

Một số câu hỏi tham khảo

Câu 1. Trái Đất được cấu tạo bởi mấy lớp?

- | | |
|-------|-------|
| A. 1. | B. 3. |
| C. 2. | D. 4. |

Câu 2. Lõi (nhân) Trái Đất có nhiệt độ cao nhất là

- | | |
|-------------------------|-------------------------|
| A. 1000 ⁰ C. | B. 5000 ⁰ C. |
| C. 7000 ⁰ C. | D. 3000 ⁰ C. |

Câu 3. Khi hai mảng tách xa nhau sẽ xảy ra hiện tượng nào sau đây?

- A. Các dãy núi cao, núi lửa và bão hình thành.
- B. Động đất, núi lửa và lũ lụt xảy ra nhiều nơi.
- C. Bão lũ, mắc ma phun trào diễn ra diện rộng.
- D. Mắc ma trào lên và tạo ra các dãy núi ngầm.

Câu 4. Nhận định nào dưới đây **không** đúng khi nói về quá trình di chuyển các mảng kiến tạo?

- A. Tách rời nhau.
- B. Xô vào nhau.
- C. Hút chồm lên nhau.
- D. Gắn kết với nhau

Câu 5. Nội lực có xu hướng nào sau đây?

- A. Làm địa hình mặt đất gồ ghề.
- B. Phá huỷ địa hình bề mặt đất.
- C. Tạo ra các dạng địa hình mới.
- D. Tạo ra các dạng địa hình nhỏ.

Câu 6. Nội lực tạo ra hiện tượng nào sau đây?

- A. Động đất, núi lửa.
- B. Sóng thần, xoáy nước.
- C. Lũ lụt, sạt lở đất.
- D. Phong hóa, xâm thực.

Câu 7. Núi trẻ là núi có đặc điểm nào sau đây?

- A. Đỉnh tròn, sườn dốc.
- B. Đỉnh tròn, sườn thoải.
- C. Đỉnh nhọn, sườn dốc.
- D. Đỉnh nhọn, sườn thoải.

Câu 8. Đỉnh núi Phan-xi-păng cao 3143m. Ngọn núi này thuộc

- A. núi thấp.
- B. núi già.
- C. núi cao.
- D. núi trẻ.

Câu 9. Cao nguyên rất thuận lợi cho việc trồng cây

- A. lương thực và chăn nuôi gia súc nhỏ.
- B. công nghiệp và chăn nuôi gia cầm.
- C. công nghiệp và chăn nuôi gia súc lớn.
- D. thực phẩm và chăn nuôi gia súc lớn.

Câu 10. Đồng bằng có độ cao tuyệt đối thường dưới

- A. 400m.
- B. 500m.
- C. 200m.
- D. 300m.

TRƯỜNG THCS GIA THỤY

TỔ XÃ HỘI

NĂM HỌC 2021- 2022

NỘI DUNG ÔN TẬP

KIỂM TRA HỌC KÌ I

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ 6**Phân môn Lịch Sử****A. NỘI DUNG:**

- Bài 6: Sự chuyển biến và phân hóa của xã hội nguyên thủy
- Bài 7: Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại
- Bài 8: Ấn Độ cổ đại
- Bài 9: Trung Quốc từ thời cổ đại đến thế kỉ VII
- Bài 10: Hy Lạp và La Mã cổ đại

B. YÊU CẦU:

- Học sinh nắm vững kiến thức cơ bản.
- Biết vận dụng kiến thức để so sánh, đánh giá các sự kiện lịch sử.
- Luyện tập trong sách bài tập Lịch sử và Địa lý (Phần Lịch sử).

C. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP CU THỂ:**I. Trắc nghiệm:**

Câu 1: Con người đã phát hiện và dùng kim loại để chế tạo công cụ vào khoảng thời gian nào?

- A. Thiên niên kỉ thứ II TCN. B. Thiên niên kỉ thứ III TCN.
C. Thiên niên kỉ thứ IV TCN. D. Thiên niên kỉ thứ V TCN.

Câu 2: Cuối thời nguyên thủy, con người lần lượt phát hiện và sử dụng công cụ bằng kim loại

- A. đồng đỏ, đồng thau, sắt. B. đồng thau, đồng đỏ, sắt.
C. đồng đỏ, sắt, đồng thau. D. sắt, đồng thau, đồng đỏ.

Câu 3: Quá trình tan rã của xã hội nguyên thủy ở Bắc Bộ Việt Nam đã trải qua những nền văn hóa khảo cổ nào?

- A. Phùng Nguyên, Đông Đậu, Gò Mun.
B. Đông Sơn, Phùng Nguyên, Bắc Sơn.
C. Bắc Sơn, Đông Đậu, Gò Mun.
D. Phùng Nguyên, Đông Đậu, Hòa Bình.

Câu 4: Người đứng đầu nhà nước ở Ai Cập cổ đại là ai?

- A. Pha-ra-ông. B. Thiên tử. C. En-xi. D. Địa chủ.

Câu 5: Công trình kiến trúc nào là của người Ai Cập?

- A. Kim tự tháp Kê-ốp
B. Vườn treo Ba – bi – lon
C. Đấu trường Cô-li-dê
D. Tượng đất nung ở lăng Li Sơn

Câu 6: Từ rất sớm, Ấn Độ cổ đại đã có chữ viết riêng đó là

- A. chữ tượng hình. B. chữ tượng ý.

C. chữ Hin-đu.

D. chữ Phạn.

Câu 7: Vào năm 221 TCN, ai là người thống nhất Trung Quốc?

A. Tần Thủy Hoàng. B. Lưu Bang. C. Tư Mã Viêm. D. Lý Uyên

Câu 8: Ai đã đặt nền móng cho sự hình thành Nho giáo ở Trung Quốc?

A. Khổng Tử.

B. Hàn Phi tử.

C. Mặc Tử.

D. Lão Tử.

Câu 9: “Tứ đại phát minh” của Trung Quốc bao gồm các thành tựu về kĩ thuật nào sau đây?

A. Thuốc nhuộm, mực in, giấy vẽ, đúc tiền.

B. Giấy, nghề in, la bàn, thuốc súng.

C. Luyện sắt, đúc đồng, chế tạo súng, giấy.

D. Bản đồ, giấy, đúc tiền, mực in.

Câu 10: Điều kiện tự nhiên của các quốc gia cổ đại Hy Lạp, La Mã tạo thuận lợi cho hoạt động kinh tế nào?

A. chăn nuôi gia súc.

B. nông nghiệp trồng lúa nước.

C. thủ công nghiệp hàng hóa.

D. thủ công nghiệp và thương nghiệp.

II. Tự luận:

Câu 1: Hãy liệt kê theo mẫu dưới đây những thành tựu về văn hóa mà cư dân ở Ai Cập và Lưỡng Hà cổ đại đạt được.

	Chữ viết	Lịch	Khoa học	Kiến trúc
Ai Cập				
Lưỡng Hà				

Câu 2: Vẽ sơ đồ chế độ đẳng cấp Vác-na? Em có nhận xét gì về sự phân chia xã hội theo chế độ đẳng cấp Vác-na?

Câu 3: Nhà Tần đã thống nhất và xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc như thế nào?

TRƯỜNG THCS GIA THUY
TỔ TOÁN LÝ

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN: HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM – HƯỚNG NGHIỆP
KHỐI 6
NĂM HỌC: 2021 – 2022

I. Mục đích

1. Kiến thức:

- Hiểu được trách nhiệm với bản thân, từ đó rèn luyện bản thân.

2. Kỹ năng:

- Biết cách bảo vệ mình trước các tình huống thiên tai.
- Sắp xếp góc học tập, nơi ở gọn gàng, ngăn nắp.

3. Thái độ:

- Tác phong nhanh nhẹn, tự giác tích cực trong học tập.

4. Phát triển năng lực:

- HS phát huy được tính chủ động, tích cực, nhân ái, trung thực, trách nhiệm.

II. PHẠM VI ÔN TẬP: Nội dung từ tiết 11 đến tiết 14.

III. NỘI DUNG CỤ THỂ:

1. Nêu hiểu biết và kinh nghiệm của bản thân để ứng phó với một số tình huống thiên tai phổ biến (mưa bão, lũ lụt, hạn hán,...)
2. Trình bày những việc em đã làm để sắp xếp góc học tập gọn gàng, ngăn nắp.
3. Trình bày những việc em đã làm để sắp xếp nơi ở gọn gàng, ngăn nắp.

TRƯỜNG THCS GIA THUY
TỔ NĂNG KHIẾU

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN: GIÁO DỤC THỂ CHẤT - KHỐI 6
NĂM HỌC: 2021 – 2022

I. Mục đích

2. Kiến thức:

- Nắm vững kiến thức về kỹ thuật đánh cầu phải trái thấp tay và kỹ thuật di chuyển đơn bước

4. Kỹ năng:

- Thực hiện được kỹ thuật đánh cầu phải trái thấp tay và kỹ thuật di chuyển đơn bước

5. Thái độ:

- Tác phong nhanh nhẹn, tự giác tích cực trong học tập, tính đoàn kết tập thể.

4. Phát triển năng lực:

- HS phát huy được tính chủ động, tích cực, phát triển năng lực vận động, tư duy động tác và biết vận dụng vào thực tế để tập luyện trên lớp cũng như ở nhà.

II. PHẠM VI ÔN TẬP: Nội dung từ tiết 22 đến tiết 30

III. NỘI DUNG CỤ THỂ:

- Ôn tập kỹ thuật đánh cầu phải trái thấp tay kết hợp di chuyển đơn bước

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Kiểm tra và đánh giá nắm kiến thức của HS về chủ đề 2 và chủ đề 3 như: Nhận biết về mạng máy tính; Internet; Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin: Mạng thông tin toàn cầu; Tìm kiếm thông tin trên internet; Thư điện tử.

2. Kỹ năng

- Kiểm tra đánh giá kỹ năng trình bày của học sinh, kỹ năng vận dụng kiến thức để làm bài tập, kỹ năng liên hệ thực tế.

3. Thái độ

- Có thái độ nghiêm túc, trung thực, cẩn thận, tỉ mỉ khi làm bài, có ý thức vươn lên trong học tập

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng ngôn ngữ; năng lực tính toán.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

- Chủ đề 2: Kiến thức về Nhận biết mạng máy tính, lợi ích của việc sử dụng mạng máy tính; Giới thiệu tóm tắt được các đặc điểm và ích lợi chính của Internet.

- Chủ đề 3: Mạng thông tin toàn cầu; Tìm kiếm thông tin trên internet; Thư điện tử.

III. NỘI DUNG ÔN TẬP

TRƯỜNG THCS GIA THỤY
TỔ TOÁN - LÝ

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KỲ I
MÔN TIN HỌC 6
Năm học 2021 - 2022

A. Lý thuyết:

1. Mạng máy tính
2. Internet
3. Mạng thông tin toàn cầu
4. Tìm kiếm thông tin trên internet
5. Thư điện tử

B. Bài tập:

*** Bài tập trắc nghiệm:**

1. Xem lại các dạng bài tập trắc nghiệm trong SBT Tin học 6 thuộc chủ đề 2: Mạng máy tính và internet và chủ đề 3: Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin.

2. Tham khảo thêm một số dạng bài tập sau:

Câu 1. Dịch vụ nào dưới đây KHÔNG được thực hiện qua Internet?

- A. Tra cứu thông tin trên web (dịch vụ web).
- B. Thư điện tử.
- C. Chuyển phát nhanh.
- D. Quảng cáo, bán hàng trên mạng.

Câu 2. Trong số các phần mềm dưới đây, phần mềm nào KHÔNG phải là trình duyệt web?

- A. Mozilla Firefox.
- B. Google Chrome.
- C. Microsoft Edge.
- D. Windows Explorer.

Câu 3. Hãy chọn phát biểu đúng trong các phát biểu dưới đây.

- A. Khi sử dụng thông tin trên Internet, em chỉ được trích dẫn tối đa một đoạn ngắn.
- B. Thông tin trên Internet là những thông tin không chính xác.
- C. Nếu sử dụng thông tin tra cứu được trên Internet, em cũng cần ghi rõ nguồn thông tin.
- D. Thông tin số hóa là những thông tin không cần có bản quyền.

Câu 4. Trang web www.google.com.vn

- A. Có thể tìm kiếm được mọi thông tin mà ta cần tìm.
- B. Cho danh sách các trang web liên quan tới chủ đề cần tìm kiếm thông qua từ khóa tìm kiếm.
- C. Chỉ có khả năng tìm kiếm thông tin dạng văn bản, không tìm được thông tin dạng hình ảnh.
- D. Không có chức năng tìm kiếm trên mạng Internet.

Câu 5. Vì sao việc mở các tệp gửi kèm theo thư điện tử lại có thể nguy hiểm?

- A. Vì tệp gửi kèm có thể là nguồn lây nhiễm của virus máy tính.

- B. Vì khi mở tệp gửi kèm, em phải trả thêm tiền dịch vụ.
- C. Vì các tệp gửi kèm theo thư điện tử chiếm dung lượng trên ổ đĩa cứng.
- D. Vì việc mở tệp gửi kèm sẽ chiếm hết dung lượng đường truyền.

Câu 6. Website nào dưới đây là máy tìm kiếm?

- A. www.bing.com
- B. www.vietnamnet.vn
- B. www.dantri.com.vn
- D. www.quantrimang.com

Câu 7. Khi truy cập và trao đổi thông tin trên Internet, em nên thực hiện điều gì dưới đây:

- A. Sẵn sàng cung cấp địa chỉ nơi ở của mình.
- B. Sẵn sàng cung cấp tuổi và hình ảnh của mình.
- C. Sẵn sàng từ chối gặp mặt những người mới quen trên mạng.
- D. Cung cấp thông tin về thói quen sinh hoạt của mình.

Câu 8. Thiết bị nào sau đây *không phải* là thiết bị đầu cuối?

- A. Máy tính.
- B. Máy in.
- C. Bộ định tuyến
- D. Máy quét.

Câu 9. Phát biểu nào sau đây là *sai*?

- A. Mạng có dây kết nối các máy tính bằng dây dẫn mạng.
- B. Mạng không dây có thể kết nối ở mọi địa hình.
- C. Mạng không dây không chỉ kết nối các máy tính mà còn cho phép kết nối các thiết bị thông minh khác như điện thoại di động, ti vi, tủ lạnh, ...
- D. Mạng có dây dễ sửa và lắp đặt hơn mạng không dây vì có thể nhìn thấy dây dẫn.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây *không chính xác*?

- A. Mạng không dây thuận tiện cho những người di chuyển nhiều.
- B. Mạng không dây dễ dàng lắp đặt hơn vì không cần khoan đục và lắp đặt đường dây.
- C. Mạng không dây thường được sử dụng cho các thiết bị di động như máy tính bảng, điện thoại, ...
- D. Mạng không dây nhanh và ổn định hơn mạng có dây.

Câu 11. Mạng máy tính gồm các thành phần:

- A. Máy tính và thiết bị kết nối.
- B. Thiết bị đầu cuối và thiết bị kết nối.
- C. Thiết bị đầu cuối, thiết bị kết nối và phần mềm mạng.
- D. Máy tính và phần mềm mạng.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây *không phải* là đặc điểm của Internet?

- A. Phạm vi hoạt động trên toàn cầu.

- B. Có nhiều dịch vụ đa dạng và phong phú.
- C. Không thuộc quyền sở hữu của ai.
- D. Thông tin chính xác tuyệt đối.

Câu 13. Phát biểu nào sau đây *không phải* là lợi ích của việc sử dụng internet đối với học sinh?

- A. Giúp tiết kiệm thời gian và cung cấp nhiều tư liệu làm bài tập dự án.
- B. Giúp nâng cao kiến thức bằng cách tham gia các khoá học trực tuyến.
- C. Giúp giải trí bằng cách xem mạng xã hội và chơi điện tử suốt cả ngày.
- D. Giúp mở rộng giao lưu kết bạn với các bạn ở nước ngoài.

Câu 14. World Wide Web là gì?

- A. Một trò chơi máy tính.
- B. Một phần mềm máy tính.
- C. Một hệ thống các website trên Internet cho phép người sử dụng xem và chia sẻ thông tin qua các trang web được liên kết với nhau.
- D. Tên khác của Internet.

Câu 15. Phát biểu nào sau đây là đúng về WWW và thư viện?

- A. Cả hai đều có một thủ thư hoặc chuyên gia chuyên nghiệp luôn túc trực để trả lời các câu hỏi của độc giả.
- B. Cả hai đều cung cấp tin tức và thông tin cập nhật từng phút.
- C. Cả hai đều đóng cửa sau giờ hành chính.
- D. Cả hai đều tạo môi trường cho người sử dụng có thể đọc được sách báo và tạp chí.

Câu 16. Tên nào sau đây là tên của máy tìm kiếm?

- A. Google.
- B. Word.
- C. VMndows Explorer.
- D. Excel.

Câu 17. Để tìm kiếm thông tin về virus Corona, em sử dụng từ khoá nào sau đây để thu hẹp phạm vi tìm kiếm nhất?

- A. Corona.
- B. Virus Corona.
- C. "Virus Corona".
- D. "Virus" + "Corona"

Câu 18. Kết quả của việc tìm kiếm bằng máy tìm kiếm là:

- A. danh sách tên tác giả các bài viết có chứa từ khoá tìm kiếm.
- B. danh sách các liên kết trở đến trang web có chứa từ khoá tìm kiếm.

- C. danh sách trang chủ của các website có liên quan.
- D. nội dung của một trang web có chứa từ khoá tìm kiếm.

Câu 19. Địa chỉ thư điện tử bắt buộc phải có kí hiệu nào?

- A. \$.
- B. &.
- C. @.
- D. #.

Câu 20. Khi đặt mật khẩu cho thư điện tử của mình, em nên đặt mật khẩu như thế nào để đảm bảo tính bảo mật?

- A. Mật khẩu là dãy số từ 0 đến 9.
- B. Mật khẩu có ít nhất năm kí tự và có đủ các kí tự như chữ hoa, chữ thường, chữ số.
- C. Mật khẩu là ngày sinh của mình.
- D. Mật khẩu giống tên của địa chỉ thư.

----- *HẾT* -----

TRƯỜNG THCS GIA THUY
TỔ XÃ HỘI
NĂM HỌC 2021 - 2022

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA HỌC KÌ I
MÔN: GDCD 6

A. NỘI DUNG:

- Tự hào về truyền thống gia đình và dòng họ.
- Yêu thương con người.
- Siêng năng kiên trì.
- Tôn trọng sự thật.
- Tự lập.
- Tự nhận thức bản thân.

B. YÊU CẦU:

- Học sinh nắm vững kiến thức cơ bản.
- Biết vận dụng kiến thức để so sánh, đánh giá các hành vi, việc làm có đạo đức hoặc không có đạo đức.
- Có kỹ năng trình bày lưu loát, khoa học theo đặc trưng môn GDCD.

C. MỘT SỐ CÂU HỎI ÔN TẬP:

I. Hướng dẫn học sinh làm một số bài tập trắc nghiệm trong tiết ôn tập.

II. Trả lời các câu hỏi nhận biết và bài tập vận dụng, vận dụng cao.

Câu 1. Tự làm lấy, tự giải quyết công việc của mình, tự lo liệu, tạo dựng cho cuộc sống của mình; không trông chờ, dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác gọi là ...

- A. Tự lập.
- B. Tự giác.
- C. Độc lập.
- D. Chủ động.

Câu 2. Hành vi nào sau đây thể hiện tính tự lập?

- A. Tự học bài, không để bố mẹ phải nhắc nhở.
- B. Tự động đi chơi, không báo cho bố mẹ biết.
- C. Tự ý nghỉ học, không xin phép thầy, cô.
- D. Tự tiện lấy đồ dùng của bạn, không hỏi mượn.

Câu 3. Trái với tự lập là ...

- A. Tự tin.
- B. Ích kỉ.
- C. Tự chủ.
- D. Ý lại.

Câu 4. Tự lập là ...

- A. Tự làm lấy, tự giải quyết công việc của mình.
- B. Làm theo mọi sự chỉ dẫn của người khác.
- C. Nhờ vào sự nâng đỡ, bao che của người khác.
- D. Trông chờ, dựa dẫm, phụ thuộc vào người khác.

Câu 5. Người sống tự lập sẽ ...

- A. Tự giác, sáng tạo trong học tập và lao động.
- B. Không quan tâm, giúp đỡ những người xung quanh.
- C. Không nhờ vả, làm phiền những người xung quanh.
- D. Chỉ làm việc một mình, độc lập giải quyết công việc.

Câu 6. Hành vi nào sau đây biểu hiện tính tự lập?

- A. Giờ kiểm tra, Cường tự ý lấy tài liệu ra chép và không nhắc bài cho ai khác.
- B. Học lớp 8 nhưng Hoa vẫn nhờ mẹ dọn phòng và sắp xếp sách vở trước khi đi học.
- C. Nhà giàu, 26 tuổi, An không có việc làm và vẫn xin trợ cấp của bố mẹ để tiêu xài.
- D. Khi gặp bài khó, Liên luôn tự giác nghiên cứu kĩ tài liệu và tìm ra cách giải.

Câu 7. Người có tính tự lập thường ...

- A. Tự tin đương đầu với khó khăn.
- B. Tự cho mình là tài giỏi.
- C. Khó gần, không hợp tác với người khác.
- D. Coi thường người khác.

Câu 8. Em tán thành với ý kiến nào dưới đây?

- A. Chỉ có con nhà nghèo mới cần phải tự lập.
- B. Trẻ em thì không cần phải tự lập.
- C. Để tự lập thì phải sống tách biệt với mọi người.
- D. Người tự lập sẽ dễ đạt được thành công.

Câu 9. Để rèn tính tự lập, chúng ta cần ...

- A. Không chia sẻ thành quả với người khác.
- B. Luôn nỗ lực vượt qua những thử thách khó khăn.
- C. Nhờ đến sự hỗ trợ của người khác.
- D. Luôn đạt được thành công trong cuộc sống.

Câu 10. Câu nào sau đây nói về ý nghĩa của tính tự lập?

- A. Giúp lời, không ai giúp của; giúp đũa, không ai giúp cơm.
- B. Nhiều điều phủ lấy giá gương.

Người trong một nước phải thương nhau cùng.

- C. Có công mài sắt có ngày nên kim.
- D. Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ.

TRƯỜNG THCS GIA THUY
TỔ NĂNG KHIẾU

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN NGHỆ THUẬT (MỸ THUẬT) 6

Thời gian làm bài: 45 phút

Năm học: 2021-2022

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức:

- Biết cách vẽ một bức tranh đề tài.

2. Kỹ năng:

- Vẽ được một bức tranh đúng nội dung bài học đã cho.

3. Thái độ:

- Học sinh thêm yêu quý những trò chơi dân gian, phong cảnh quê hương, những ước mơ... và biết vận dụng những điều hay, ý nghĩa tốt đẹp vào cuộc sống.

4. Phát triển năng lực:

- Năng lực tư duy, năng lực thực hành, năng lực sáng tạo.

II. Hình thức ôn tập:

- Ôn tập tại lớp, tại nhà.

III. Nội dung ôn tập:

- Đề tài Phong cảnh
- Đề tài An toàn giao thông
- Đề tài Cuộc sống quanh em
- Đề tài Ước mơ
- Đề tài Ngày Lễ
- ...

I. Mục tiêu cần đạt

1. Kiến thức:

- Ôn tập toàn bộ các nội dung Hát và Tập đọc nhạc đã học trong học kì II

2. Kỹ năng:

- Hát đúng lời ca, giai điệu, tiết tấu, thể hiện tốt sắc thái, tình cảm.
- Đọc đúng cao độ, trường độ, gõ đúng phách, thể hiện đúng tính chất nhịp.

3. Thái độ:

- HS có ý thức, nghiêm túc học tập đối với các phân môn của môn học.

4. Phát triển năng lực:

- Hoạt động, hiểu biết, cảm thụ, sáng tạo và ứng dụng âm nhạc.

II. Hình thức ôn tập:

- Thực hiện ôn tập theo PPCT đối với từng phần môn
- Học sinh tự ôn tập tại nhà.

III. Nội dung ôn tập:

1. Bài hát:

- Em yêu giờ học hát
- Lí cây đa
- Bui Phấn
- Tình bạn bốn phương

3. Tập đọc nhạc: TĐN số 1-2-3-4

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức

Kiểm tra và đánh giá mức độ nắm kiến thức của HS về

- Khái quát về nhà ở; xây dựng nhà ở; ngôi nhà thông minh
- Thực phẩm và dinh dưỡng; phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm; xây dựng thực đơn bữa ăn kết nối yêu thương.

2. Năng lực

Kiểm tra đánh giá các năng lực của HS

a. Năng lực chuyên môn

- Nhận biết được các đặc điểm chung của nhà ở; xây dựng nhà ở; ngôi nhà thông minh
- Nhận biết được các nhóm thực phẩm và dinh dưỡng; phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm; xây dựng thực đơn bữa ăn kết nối yêu thương.

b. Năng lực chung

Biết chủ động nghiên cứu tìm tòi kiến thức, tranh ảnh, làm clip, ... liên quan tới bài học.

3. Phẩm chất

- Có ý thức bảo vệ giữ gìn cho ngôi nhà của mình được sạch sẽ, bền, đẹp
- Ý thức việc giữ vệ sinh an toàn thực phẩm.

II. PHẠM VI ÔN TẬP

- Chương 1: Nhà ở

- Chương 2: Bảo quản và chế biến thực phẩm

III. NỘI DUNG ÔN TẬP

TRƯỜNG THCS GIA THỤY
TỔ TOÁN - LÝ

NỘI DUNG ÔN TẬP HỌC KÌ I
Năm học: 2021 - 2022
Môn: Công nghệ 6

I. CÂU HỎI ÔN TẬP

1. Trình bày vai trò của nhà ở. Nêu một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam.
2. Nêu những đặc điểm của ngôi nhà thông minh.
3. Kể tên và nêu vai trò của các nhóm thực phẩm chính cung cấp các chất cần thiết cho cơ thể con người.
4. Liệt kê một số phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm mà em biết.
5. Đề xuất một số giải pháp để đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình bảo quản và chế biến thực phẩm ở gia đình em.

II. BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Nhà ở *không* có vai trò nào?

- A. Là nơi trú ngụ của con người
- B. Bảo vệ con người tránh khỏi những ảnh hưởng xấu của thiên nhiên
- C. Là nơi đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của con người
- D. Là nơi thể hiện tính riêng tư của từng gia đình.

Câu 2: Hãy chọn phát biểu *không đúng* về nhà ở.

- A. Đặc điểm của nhà ở phụ thuộc vào điều kiện kinh tế, văn hóa, vị trí địa lí, vùng miền.
- B. Nhà ở mặt phố thường được thiết kế cao tầng để tận dụng không gian theo chiều cao.
- C. Nhà sàn của các dân tộc miền núi là kiểu nhà được dựng trên các cột phía trên mặt đất để tránh thú rừng.
- D. Các không gian trong từng căn hộ nhà chung cư được tổ chức thành các không gian công cộng.

Câu 3: Phát biểu đúng về vật liệu xây dựng nhà ở là:

- A. Để xây dựng nhà ở, vật liệu chỉ đóng vai trò ảnh hưởng tới chất lượng và tính thẩm mỹ của công trình.
- B. Việc khai thác vật liệu có sẵn trong tự nhiên để làm nhà không làm ảnh hưởng tới môi trường.
- C. Trong quá trình xây dựng nhà, vật liệu tự nhiên không thể kết hợp được với vật liệu nhân tạo.
- D. Vật liệu xây dựng ảnh hưởng tới tuổi thọ, chất lượng và tính thẩm mỹ của công trình.

Câu 4: Các vật liệu nào sau đây dùng để tạo ra bê tông xây dựng?

- | | |
|--------------------------|------------------------|
| A. Nước, xi măng, cát | B. Nước, xi măng |
| C. Nước, xi măng, đá nhỏ | D. Nước, xi măng, sỏi. |

Câu 5: Trong ngôi nhà thông minh, hệ thống điều khiển thiết bị gia dụng gồm các điều khiển như:

- A. Điều khiển camera, điều khiển khóa cửa, điều khiển thiết bị báo cháy.
- B. Điều khiển hệ thống âm thanh, điều khiển ti vi.
- C. Điều khiển lò vi sóng, điều khiển bình nóng lạnh.
- D. Điều khiển điều hòa nhiệt độ, điều khiển hệ thống quạt.

Câu 6: Nhu cầu dinh dưỡng phụ thuộc vào những yếu tố nào sau đây?

- A. Lứa tuổi
- B. Giới tính và tình trạng sinh lí
- C. Mức lao động và hoạt động thể lực
- D. Tất cả các đáp án trên đều đúng

Câu 7: Chức năng dinh dưỡng của chất béo là:

- A. Là dung môi hoà tan các vitamin
- B. Chuyển hóa một số vitamin cần thiết cho cơ thể
- C. Tăng sức đề kháng cho cơ thể.
- D. Tất cả đều đúng

Câu 8: Chất dinh dưỡng nào là nguồn chủ yếu cung cấp năng lượng cho mọi hoạt động của cơ thể?

- A. Chất đường bột.
- B. Chất đạm.
- C. Chất béo.
- D. Vitamin.

Câu 9: Loại thức phẩm nào cần ăn hạn chế nhất theo tháp dinh dưỡng cân đối?

- A. Muối.
- B. Đường.
- C. Dầu mỡ.
- D. Thịt.

Câu 10: Chất giúp cho sự phát triển xương, hoạt động của cơ bắp, tổ chức hệ thần kinh, cấu tạo hồng cầu và sự chuyển hoá cơ thể là:

- A. Chất đường bột.
- B. Chất đạm.
- C. Chất béo.
- D. Chất khoáng.

Câu 11: Nguồn cung cấp của Vitamin C chủ yếu từ:

- A. Lòng đỏ trứng, tôm cua
- B. Rau quả tươi
- C. Thịt lợn, thịt gà, thịt vịt...
- D. Tất cả đều đúng

Câu 12: Những thực phẩm giàu chất béo:

- A. Gạo, ngô
- C. Rau xanh
- B. Mỡ động vật, dầu thực vật, bơ ...
- D. Mía

Câu 13: Các loại thực phẩm cung cấp Canxi và Phốt pho:

- A. Tôm, cá, lươn, cua, trứng ...
- C. Gạo
- B. Thịt
- D. Hoa quả các loại

Câu 14: An toàn thực phẩm là gì ?

- A. Giữ cho thực phẩm tươi xanh
- B. Giữ thực phẩm khỏi bị nhiễm trùng
- C. Giữ cho thực phẩm không bị nhiễm trùng, nhiễm độc, biến chất.
- D. Thực phẩm không nhiễm độc

Câu 15: Thế nào là món kho

- A. Là món có vị mặn
- B. Là món nấu ít nước
- C. Làm chín mềm thực phẩm trong môi trường ít nước, vị mặn đậm đà
- D. Là món khô

-----*HẾT*-----

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT

PHẠM THỊ HẢI VÂN